TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HỒI** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 27/2020/QĐST-DS	*Ngọc Hồi, ngày 04 tháng 8 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2020, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp chia di sản thừa kế".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; Nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Vũ Thị O; sinh năm: 1969; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

- *Bị đơn:* Chị Lường Thị Ngọc C; sinh năm: 1998; địa chỉ: Thôn 5, xã N, huyện N, tỉnh N; Người đại diện theo ủy quyền cho bị đơn: Bà Xa Thị Y; sinh năm: 1975; địa chỉ: Thôn H, xã Đ huyện N, tỉnh K.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Lường Mạnh H; sinh năm 2007; địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh K; Người đại diện hợp pháp cho anh Lường Mạnh H là bà Vũ Thị O (mẹ đẻ anh Lường Mạnh H); địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh K.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Di sản của ông Lường Văn T chết để lại là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R938796 cấp ngày 27/7/2001 mang tên hộ ông Lường Văn T, gồm các thửa đất số 54 tờ bản đồ 03; Thửa đất số 42, 43 tờ bản đồ 02; Thửa đất số 77 tờ bản đồ 01 và Thửa đất số 26 tờ bản đồ 04. Tổng diện tích đất là 18870 m^2, đất tọa lạc tại thôn H, xã S, huyện N, tỉnh K (nay là thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh K).

2.2. Người được hưởng di sản của ông Lường Văn T chết để lại được xác định: Chị Lường Thị Ngọc C (con đẻ bà vợ thứ nhất của ông Lường Văn T); Anh Lường Mạnh H (con đẻ bà vợ thứ hai của ông Lường Văn T) và bà Vũ Thị O (vợ thứ hai của ông Lường Văn T).

Những người được hưởng di sản nêu trên đồng ý để lại di sản là các Thửa đất số 42, 43 tờ bản đồ 02; Thửa đất số 77 tờ bản đồ 01 và Thửa đất số 26 tờ bản đồ 04 diện tích các thửa đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R938796 cho bà Vũ Thị O hưởng toàn bộ. Yêu cầu chia thửa đất số 54 tờ bản đồ 03, diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R938796 là 2360m^2 (trong đó: Đất thổ cư là 400 m^2, đất KTV là 1960 m^2).

Căn cứ trích lục bản đồ hiện trạng do Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Ngọc Hồi đo vẽ ngày 28/5/2020 thì: Thửa đất số 54 tờ bản đồ 03 có tổng diện tích thực tế đo được là 1853,7m^2 *(thiếu so với diện tích ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R938796 cấp ngày 27/7/2001 là 506,3m^2đất HNK)*.

Hai bên đồng ý với diện tích hiện trạng thửa đất số 54, tờ bản đồ 03 đo ngày 28/5/2020 với diện tích đo thực tế là 1853,7m^2. Tách thửa đất số 54 thành hai thửa để chia là Thửa số 318 và thửa số 319, tờ bản đồ số 85. Trong đó: Thửa đất số 318 có diện tích đo được là 1134 m^2 và Thửa đất số 319 có diện tích đo được là 719,7 m^2. Hai bên nhất trí phân chia diện tích đất ở nông thôn là 400m^2 chia theo tỷ lệ mét ngang mặt đường liên xã. Tổng chiều dài thửa đất 318 và 319 theo mét ngang mặt đường liên xã là 26 mét : 400m^2 = 15,4m^2/01 mét ngang.

- Bà Vũ Thị O được chia: Thửa đất số 42, 43 tờ bản đồ 02. Thửa đất số 77 tờ bản đồ 01 và Thửa đất số 26 tờ bản đồ 04 diện tích các thửa đất được ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R938796 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum cấp ngày 27/7/2001; địa chỉ thửa đất ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thôn H, xã S, huyện N, tỉnh K (nay là thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh K). Tứ cận các thửa đất theo sơ đồ ghi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R938796.

- Bà Vũ Thị O và anh Lường Mạnh H được chia: Thửa đất số 318, tờ bản đồ số 85, tổng diện tích đất là 1134m^2. Trong đó diện tích đất ở nông thôn là 246m^2, diện tích đất trồng cây hàng năm là 888 m^2, đất có tứ cận như sau:

+ Phía đông giáp mương thoát nước có chiều dài 15,8m;

+ Phía tây giáp đường liên xã có chiều dài 16,0m;

+ Phía nam giáp đất chị Lường Thị Ngọc C có chiều dài 71,8m;

+ Phía bắc giáp đất bà Hà Xuân T có chiều dài 71,0m.

- Chị Lường Thị Ngọc C được chia: Thửa đất số 319, tờ bản đồ số 85, tổng diện tích đất là 719.7m^2. Trong đó diện tích đất ở nông thôn là 154 m^2, diện tích đất trồng cây hàng năm là 565,7m^2, đất có tứ cận như sau:

+ Phía Đông giáp mương thoát nước có chiều dài 10,0m;

+ Phía Tây giáp đường liên xã có chiều dài 10,0m;

+ Phía Nam giáp đất ông Lường Văn L có chiều dài 72,4m;

+ Phía Bắc giáp đất bà Vũ Thị O, anh Lường Mạnh H có chiều dài 71,8m.

(Kèm theo sơ đồ trích lục đo vẽ của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện N ngày 28/5/2020).

2.3 Bà Vũ Thị O được quyền tự liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký, điều chỉnh Quyền sử dụng đất số R938796 cấp ngày 27/7/2001 do Ủy ban nhân dân huyện Ngọc Hồi cấp cho hộ ông Lường Văn T, địa chỉ thửa đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Thôn H, xã S, huyện N, tỉnh K (nay là thôn H, xã Đ, huyện N, tỉnh K mang tên bà Vũ Thị O.

Khi thửa đất mang tên bà Vũ Thị O, thì bà O có trách nhiệm cùng chị Lường Thị Ngọc C đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục chuyển diện tích đất là 719.7m^2 thửa đất số 319, tờ bản đồ số 85. Trong đó diện tích đất ở nông thôn là 154 m^2, diện tích đất HNK là 565,7m^2, đất có tứ cận nêu trên mang tên chị Lường Thị Ngọc C.

Bà Vũ Thị O nhận nộp toàn bộ các khoản thuế phát sinh về thừa kế, chuyển quyền sử dụng, điều chỉnh.. đối với tất cả các thửa đất nêu trên (nếu có).

2.4. Về chi phí đo đạc, thẩm định tài sản: Bà Vũ Thị O và chị Lường Thị Ngọc C mỗi bên nộp 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng) Bà O và chị C tự nguyện nộp toàn bộ và đã thực hiện xong.

2.5. Về xác định giá trị tài sản tranh chấp làm căn cứ chịu án phí: Các bên thống nhất lấy tổng giá trị tài sản tranh chấp yêu cầu chia là 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng) để làm căn cứ chịu án phí.

2.6. Về án phí: Căn cứ Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26; khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Vũ Thị O nhận chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng), bà Vũ Thị O được trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 3.750.000đ (Ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2016/0002329 ngày 27-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hồi, tỉnh Kon Tum, đương sự đã nộp xong.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Ngọc Hồi;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hồi;
- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bá Khen